

Số: /QĐ-SNN

Nam Định, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định;

Căn cứ Biên bản làm việc giữa Sở Nông nghiệp & PTNT (Phòng Quản lý xây dựng công trình, Chi cục Thủy lợi) và Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy ngày 18/8/2023 về việc kiểm tra danh mục sửa chữa công trình thủy lợi theo đề nghị của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy;

Căn cứ Tờ trình số 21/TTr-TN ngày 10/8/2023 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy về việc xin phê duyệt kế hoạch và danh mục sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024, đã được UBND huyện Xuân Trường và UBND huyện Giao Thủy xác nhận; Báo cáo số 46/BC-TNXT ngày 29/8/2023 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy về việc thực hiện tu bổ sửa chữa công trình thủy lợi kế hoạch 2023 của Công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi Xuân Thủy;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục, kế hoạch sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy như sau:

1. Tổng kinh phí sửa chữa thường xuyên công trình năm 2024 dự kiến: 13.378,303 triệu đồng, bao gồm:

1.1. Thanh toán cho các công trình đã thực hiện các năm trước: 499,303 triệu đồng;

1.2. Sửa chữa thường xuyên công trình thuộc kế hoạch năm 2024 với kinh phí: 12.879,0 triệu đồng.

- Nạo vét: 6.468,0 triệu đồng;

- Phân xây đúc: 4.845,0 triệu đồng;

- Sửa chữa cánh cống: 1.166,0 triệu đồng;

- Sửa chữa thiết bị tời, cáp, पुलि ... (cống, trạm bơm..): 400,0 triệu đồng.

2. Nguồn vốn: Cân đối trong nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 của Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy.

3. Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 31/12/2024.

(Có Phụ lục danh mục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Chủ tịch và Giám Đốc Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy có trách nhiệm:

- Cân đối nguồn kinh phí để thực hiện sửa chữa công trình theo thứ tự ưu tiên nhằm đảm bảo phục vụ sản xuất, dân sinh và phòng chống thiên tai (trong đó ưu tiên số 1 là sửa chữa các cống dưới đê). Tổ chức thực hiện đảm bảo không vượt tổng kinh phí trong Quyết định này và không được để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản. Các công trình không thực hiện phải đề nghị điều chỉnh và được Sở Nông nghiệp & PTNT nhất trí bằng văn bản trước ngày 31/12/2024. Sửa chữa các cống dưới đê phải nghiệm thu hoàn thành xong trước 31/3/2024.

- Đảm bảo việc sửa chữa thường xuyên công trình theo đúng quy định của Thông tư số 05/2019/TTBNNPTNT ngày 02/5/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về quy định chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và các quy định khác có liên quan. Việc sửa chữa cống dưới đê (mọi cấp) có sửa chữa, thay thế kết cấu chịu lực chính (cửa van,...), giá trị dự toán dưới 500 triệu đồng phải trình Sở Nông nghiệp & PTNT thẩm định về thiết kế bản vẽ thi công của kết cấu đó làm cơ sở để phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này về Sở Nông nghiệp & PTNT trước ngày 28/02/2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Công ty TNHH một thành viên KTCTTL Xuân Thủy và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này để tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- | | |
|---|---------------|
| <ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh; (Đề báo cáo) - Sở Tài chính; - UBND các huyện XT, GT; - Như Điều 3; - Lưu: VT, TCKT, QLXDCT, CCTL. | (Đề phối hợp) |
|---|---------------|

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Hữu

Phụ lục

**DANH MỤC SỬA CHỮA THƯỜNG XUYÊN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NĂM 2024
CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI XUÂN THUỶ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SNN ngày tháng năm 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT Nam Định)

TT	Hạng mục	Địa điểm	Biện pháp công trình	Chiều dài (m)	Kinh phí dự kiến (nghìn đồng)	Trong đó (nghìn đồng)		Ghi chú
						Nguồn hỗ trợ tiền sử dụng SPDV công ích thủy lợi năm 2024	Nguồn vốn Khấu hao TSCĐ	
	Tổng cộng				13.378.303	13.378.303		
A	Thanh toán các công trình đã thực hiện các năm trước				499.303	499.303		
1	Kênh Nguyễn Văn Bé (xã Giao Lạc) (Tổng kinh phí 909.111.000 đồng, đã bố trí năm 2023: 759.111.000 đồng)		Nạo vét		150.000	150.000		Quyết định số: 2288/QĐ-SNN ngày 22/9/2022
2	Cửa cống số 8B (cửa van trên) (Tổng kinh phí: 349.303.000 đồng)		Sửa chữa		349.303	349.303		Quyết định số: 474/QĐ-SNN ngày 01/3/2023
B	Công trình thực hiện thuộc kế hoạch năm 2024				12.879.000	12.879.000		
I	Nạo vét				6.468.000	6.468.000		

1	Cửa cống Hạ Miêu II	Xuân Thành	Nạo vét	650	200.000	200.000		
2	Cửa cống Cồn Tư	Hồng Thuận	Nạo vét	200	160.000	160.000		
3	Cửa cống Cồn Năm	Giao Thanh	Nạo vét	1.160	350.000	350.000		
4	Cửa cống Triết Giang B	Bạch Long	Nạo vét	400	442.000	442.000		
5	Cửa cống Ang Giao Phong	Giao Phong	Nạo vét	800	448.000	448.000		
6	Cửa cống Tây Cồn Tàu	TTQuất Lâm	Nạo vét	600	406.000	406.000		
7	Cửa cống số 8B	Bạch Long	Nạo vét	300	410.000	410.000		
8	Kênh Mã 7-4	Xuân Thủy	Nạo vét	1670	200.000	200.000		
9	Kênh Đồng Nê 2-3	Xuân Ngọc	Nạo vét	600	150.000	150.000		
10	Kênh Mã (Đoạn Phú Thủy)	Phú Thủy - Xuân Hồng	Nạo vét kết hợp đắp bờ	1411	200.000	200.000		
11	Kênh Mã 2-6	Xuân Vinh	Nạo vét	683	150.000	150.000		
12	Kênh Rộc 1 (Đoạn giữa)	Xuân Ninh	Nạo vét	1.204	210.000	210.000		
13	Kênh TT8	Xuân Vinh	Nạo vét	1.131	152.000	152.000		
14	Kênh Láng 6	Xuân Đài	Nạo vét	2.060	220.000	220.000		
15	Kênh Láng 12C	Xuân Đài	Nạo vét	395	60.000	60.000		
16	Kênh Cát Xuyên 11-2	Thọ Nghiệp	Nạo vét	495	68.000	68.000		
17	Kênh Cát Xuyên 6B	Xuân Phương	Nạo vét	590	60.000	60.000		
18	Kênh HT1	Giao An	Nạo vét	2.020	450.000	450.000		
19	Kênh CA 1-6	Giao Hương	Nạo vét	1.283	160.000	160.000		
20	Kênh K3 (Đoạn đầu)	Giao An - Giao Thiện	Nạo vét	400	270.000	270.000		
21	Kênh Nguyễn Văn Bé (Đoạn từ cống số 9 đến đê Tiền Lang)	Giao Hải	Nạo vét	500	610.000	610.000		
22	Kênh Mỹ Tho 4 (Đoạn cuối)	Giao Nhân	Nạo vét	1.066	120.000	120.000		
23	Kênh CN 7D (Đoạn đầu)	Giao Hà	Nạo vét	905	90.000	90.000		
24	Kênh TK 1-4	Giao Thịnh	Nạo vét	1.632	170.000	170.000		

25	Kênh Bạch Ra (Đoạn Giao Châu giáp Giao Yên)	Giao Châu, Giao Yên	Nạo vét	440	48.000	48.000		
26	Kênh CG 9B (Đoạn đầu)	Giao Tân	Nạo vét	355	80.000	80.000		
27	Kênh Văn Chỉ	Giao Phong	Nạo vét	410	200.000	200.000		
28	Kênh Cồn Nhất 10 (Đoạn cuối)	Giao Yên	Nạo vét	500	80.000	80.000		
29	Sông Bao khu phía Bắc đồng 3 (Đoạn đầu)	Bạch Long	Nạo vét	735	64.000	64.000		
30	Sông Bao khu phía đông Công Đoàn	TT Quất Lâm	Nạo vét	1.650	160.000	160.000		
31	Kênh Chân đê tuyến II Đồng Hiệu (Đoạn đầu)	TT Quất Lâm	Nạo vét	150	80.000	80.000		
II	Phần xây đúc				4.845.000	4.845.000	0	
1	Kênh CĐ3-4	Xuân Thượng	Sửa chữa mái kênh	650	480.000	480.000		
2	Bờ hữu mái kênh 50-3-4 (Đoạn đầu)	Xuân Phong	Xử lý sạt lở	210	305.000	305.000		
3	Kênh Ngõ Đồng 4 (Đoạn 1)	Xuân Phú	Sửa chữa mái kênh	460	470.000	470.000		
4	Bờ tả mái kênh Thanh Quan 2 (Đoạn đầu)	Thọ Nghiệp	Xử lý sạt lở	100	200.000	200.000		
5	Kênh CA21 (Đoạn 2)	Giao Xuân	Sửa chữa mái kênh	605	490.000	490.000		
6	Kênh Ngõ Đồng 3 (Đoạn chùa chính)	Giao Tiến	Sửa chữa mái kênh	410	410.000	410.000		
7	Văn phòng cụm Đồng Nê	Xuân Ngọc	Sửa chữa		100.000	100.000		
8	Công trình thông nước đầu Xuân Châu 3	Xuân Châu	Sửa chữa		120.000	120.000		
9	Văn phòng cụm Sông Ninh	TT Xuân Trường	Sửa chữa		105.000	105.000		

10	Công trình thông nước trên kênh Tàu 2-4	Xuân Ninh	Sửa chữa		150.000	150.000		
11	Công trình thông nước TT 10-2	Xuân Vinh	Sửa chữa		100.000	100.000		
12	Công trình thông nước đầu TT7	Xuân Tiến	Sửa chữa		100.000	100.000		
13	Tường rào nhà quản lý cống Hạ Miêu II	Xuân Thành	Sửa chữa		200.000	200.000		
14	Công trình thông nước trên kênh 50-10	Xuân Thành	Sửa chữa		130.000	130.000		
15	Nhà quản lý cống số 10	Giao Thiện	Sửa chữa		120.000	120.000		
16	Cống đầu VB4	Giao Thiện	Sửa chữa		70.000	70.000		
17	Cống đập số 4 giữa CA 7-2	Giao Thanh	Sửa chữa		50.000	50.000		
18	Công trình thông nước cuối HT3	Giao An	Sửa chữa		60.000	60.000		
19	Công trình thông nước đầu VB6	Giao An	Sửa chữa		80.000	80.000		
20	Công trình thông nước giữa MG3	Giao Hương	Sửa chữa		120.000	120.000		
21	Đập ngăn giữa CH 9-2	Hồng Thuận	Sửa chữa		120.000	120.000		
22	Công trình thông nước đầu VB 17-3	Giao Long	Sửa chữa		150.000	150.000		
23	Cống cuối CN 7-5	Giao Hà	Sửa chữa		30.000	30.000		
24	Nhà quản lý cống Thức Khóa	Giao Thịnh	Sửa chữa		80.000	80.000		
25	Công trình thông nước giữa TK 11-2	Giao Tân	Sửa chữa		120.000	120.000		
26	Cống cuối Đồng Màu	Giao Thịnh	Sửa chữa		120.000	120.000		
27	Công trình thông nước giữa CG7	Giao Yên	Sửa chữa		150.000	150.000		
28	Nhà quản lý cống Ang Giao Phong (Hạng mục ngõ vào, chống thấm mái)	Giao Phong	Sửa chữa		75.000	75.000		
29	Công trình thông nước đầu Quất Lâm 1	Quất Lâm	Sửa chữa		140.000	140.000		
III	Sửa chữa cánh cống				1.166.000	1.166.000	0	
1	Cánh cống giữa Tây Khu	HTX Tiến Dũng	Sửa chữa	2,63x2,21	35.000	35.000		
2	Cánh cống cuối CĐ6	HTX Tiến Dũng	Sửa chữa	2,33x2,3	32.000	32.000		
3	Cánh trên phía nam cống NĐb	Xuân Vinh	Sửa chữa	5,4x2,15	250.000	250.000		

4	Cánh cổng Bồi số 4	Xuân Hoà	Sửa chữa	1,5x3	15.000	15.000		
5	Cánh cổng Thanh Quan A,B	Thọ Nghiệp	Sửa chữa		100.000	100.000		
6	Cánh cổng cuối CA1	Giao Hương	Sửa chữa	1,55x1,8	20.000	20.000		
7	Trạm bơm CA15	Giao Lạc	Sửa chữa		60.000	60.000		ống xả
8	Cánh cổng đầu CA7-2	Giao Thanh	Sửa chữa	2,2x2,5	25.000	25.000		
9	Cánh cổng cuối VB9	Giao An	Sửa chữa	2,6x1,63	25.000	25.000		
10	Cánh cổng đầu CA21-7	Giao Xuân	Sửa chữa	2,5x2,1	40.000	40.000		
11	Cánh cổng giữa CA9	Giao Thanh	Sửa chữa	3,26x3,2	15.000	15.000		
12	Cánh cổng cuối MG4	Giao Hương	Sửa chữa	2,6x2,8	13.000	13.000		
13	Cánh cổng cuối CA21-10	Giao Xuân	Sửa chữa	2,1x2,5	13.000	13.000		
14	Cánh cổng giữa HT8	Giao Thanh	Sửa chữa	2,2x2,0	25.000	25.000		
15	Cánh cổng số 9 (Cánh trên)	Giao Long	Sửa chữa	6,48x2,9	350.000	350.000		
16	Cánh cổng cuối CN7-1	Giao Hà	Sửa chữa	2,4x2,45	20.000	20.000		
17	Cánh cổng cuối CN7-7	Giao Hà	Sửa chữa	1,5x2,25	10.000	10.000		
18	Cánh cổng Bà Thiêm	Giao Nhân	Sửa chữa	4x5,15	20.000	20.000		
19	Cánh cổng Long Hải	Giao Hải	Sửa chữa	4,1x3,73	10.000	10.000		
20	Cánh cổng cuối CN 13C	Giao Châu	Sửa chữa	2,24x2,1		19.000		
21	Cánh cổng cuối CN 15	Giao Châu	Sửa chữa	2,45x1,8		18.000		
22	Cánh cổng đập 4 CG2	Hoành Sơn	Sửa chữa	1,3x0,9		6.000		
23	Cánh cổng Khu 3B	Giao Phong	Sửa chữa	2,6 x 2,2		45.000		
IV	Sửa chữa thay thế thiết bị tời, cáp, buli ... (cổng, trạm bơm, kênh)				400.000	400.000		